

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 685 /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Núi Pha Hư, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân”

(khu vực Công ty TNHH Thanh Sơn được cấp phép thăm dò)

(Trữ lượng tính đến ngày 15 tháng 12 năm 2015)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quy định thăm dò phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat;

Căn cứ Giấy phép số 420/GP-UBND ngày 03/11/2015 của UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH Thanh Sơn được thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân;

Xét Đơn và hồ sơ của Công ty TNHH Thanh Sơn (nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường) đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản;

Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò tại phiên họp ngày 20/01/2016 và hồ sơ chỉnh sửa của đơn vị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 207/TTr-STNMT ngày 24/02/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Núi Pha Hư, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa” như sau:

1. Diện tích, trữ lượng khoáng sản khu vực thăm dò:

1.1. Vị trí, diện tích:

Khu vực thăm dò có diện tích 2,5 ha được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5 và phần diện tích xác định trữ lượng tại khu vực khai trường là 0,4015 ha được giới hạn bởi các điểm góc 8, 9, 10, 5, 1 có tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0 , thuộc Núi Pha Hư, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

1.2. Trữ lượng và khối lượng khoáng sản:

- Các khoáng sản chính: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và tận thu đá khối làm nguyên liệu sản xuất đá ốp lát;

Trữ lượng: - Cấp 121: 817.766 m^3 ;

- Cấp 122: 0 m^3 .

Trong đó:

+ Trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là 768.700 m^3 ;

+ Trữ lượng đá khối tận thu sản xuất đá ốp lát là 49.066 m^3 .

- Các khoáng sản đi kèm: (Không);

1.3. Độ sâu tính trữ lượng: Đến cos +150m.

2. Diện tích, trữ lượng khoáng sản khu vực lập dự án đầu tư khai thác:

2.1. Vị trí, diện tích:

Khu vực thăm dò lập dự án đầu tư khai thác có diện tích là 1,9658 ha được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 12, 13, 5 và phần diện tích xác định trữ lượng tại khu vực khai trường là 0,4015 ha được giới hạn bởi các điểm góc 8, 9, 10, 5, 1 có tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0 , thuộc Núi Pha Hư, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

2.2. Trữ lượng và khối lượng khoáng sản:

- Các khoáng sản chính: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và tận thu đá khối làm nguyên liệu sản xuất đá ốp lát;

Trữ lượng: - Cấp 121: 632.830 m^3 ;

- Cấp 122: 0 m^3 .

Trong đó:

+ Trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là 594.860 m^3 ;

+ Trữ lượng đá khối tận thu sản xuất đá ốp lát là 37.970 m^3 .

- Các khoáng sản đi kèm: (Không);

2.3. Độ sâu tính trữ lượng: Đến cos +150m.

3. Diện tích, trữ lượng khoáng sản khu vực mỏ còn lại:

3.1. Vị trí, diện tích:

Khu vực thăm dò còn lại có diện tích 0,5342 ha được giới hạn bởi các điểm góc 3, 4, 13, 12 có tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0 , thuộc Núi Pha Hư, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

3.2. Trữ lượng và khối lượng khoáng sản:

- Các khoáng sản chính: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và tận thu đá khối làm nguyên liệu sản xuất đá ốp lát;

Trữ lượng: - Cấp 121: 184.936 m^3 ;

- Cấp 122: 0 m^3 .

Trong đó:

+ Trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là 173.840 m^3 ;

+ Trữ lượng đá khối tận thu sản xuất đá ốp lát là 11.096 m^3 .

- Các khoáng sản đi kèm: (Không);

3.3. Độ sâu tính trữ lượng: Đến cos +150m.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất.

Trong quá trình khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản cần xem xét các ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò.

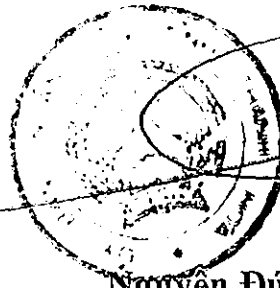
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Thông tin lưu trữ địa chất, Giám đốc Công ty TNHH Thanh Sơn, các đơn vị và địa phương liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền